

## QUY ĐỊNH

### Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51 /2016/QĐ-UBND ngày 09 /8/2016 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong trường hợp các bên tranh chấp không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất.

Những nội dung không quy định tại quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này được áp dụng cho tất cả hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện tranh chấp quyền sử dụng đất, hòa giải và giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3. Tranh chấp đất đai mà đương sự không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì đương sự chỉ được lựa chọn một trong hai (02) hình thức giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định sau**

1. Nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

2. Khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**Điều 4. Thời hạn khiếu nại, khởi kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai**

1. Thời hiệu khiếu nại quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là 90 mươi ngày.

2. Thời hiệu khiếu nại quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 90 mươi ngày.

3. Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu của Chủ tịch UBND cấp huyện, quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu của Chủ tịch UBND tỉnh mà một trong các bên tranh chấp không đồng ý thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

4. Trong trường hợp người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp không thực hiện được việc khiếu nại theo đúng thời hạn do bị: ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian trở ngại đó không tính vào thời hạn khiếu nại; người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp phải chứng minh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về trở ngại khách quan đó.

#### **Điều 5. Quyết định giải quyết tranh chấp có hiệu lực pháp luật**

Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật gồm:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mà trong thời hạn theo quy định tại Điều 4 quy định này các bên tranh chấp không khiếu nại tiếp hoặc không khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

2. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh

3. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay, nếu các bên tranh chấp không chấp hành thì tổ chức cưỡng chế theo trình tự pháp luật quy định.

#### **Điều 6. Việc gửi, công khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, người giải quyết tranh chấp lần đầu, lần hai có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết tranh chấp và được thực hiện như sau:

a) Đối với quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu: quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu được gửi cho: bên tranh chấp, bên bị tranh chấp, UBND cấp xã nơi có đất xảy ra tranh chấp, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra huyện (nếu cấp huyện), Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh (nếu cấp tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có). Quyết định giải quyết tranh chấp

lần đầu phải gửi cho người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lần 2 để biết và theo dõi.

b) Cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu và lần hai có trách nhiệm mời bên tranh chấp, bên bị tranh chấp đến trực tiếp để nhận Quyết định giải quyết tranh chấp. Việc giao nhận phải được lập thành biên bản, có ký xác nhận giữa người giao và người nhận để lưu hồ sơ vụ việc.

*Biên bản giao nhận được thực hiện theo Biểu mẫu số 01 được ban hành kèm theo quy định này.*

2. Việc công khai Quyết định giải quyết tranh chấp lần 01 và lần 02 được thực hiện bằng các hình thức sau đây:

a) Đối với cấp huyện: niêm yết tại UBND cấp xã nơi xảy ra tranh chấp đất đai, Trụ sở Tiếp công dân của huyện và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của huyện.

b) Đối với cấp tỉnh: niêm yết tại UBND cấp xã nơi xảy ra tranh chấp đất đai, Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật**

1. Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật do mình ban hành.

2. Căn cứ vào nội dung tranh chấp, chức năng quản lý nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giao cho cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

3. Người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành quyết định giải quyết tranh chấp có hiệu lực pháp luật; kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý.

### **Điều 8. Lập hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai**

1. Việc giải quyết tranh chấp đất đai phải được lập hồ sơ. Hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai bao gồm:

a) Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai hoặc bản ghi lời yêu cầu về giải quyết tranh chấp đất đai;

b) Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp;

c) Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ chứng minh trong quá trình, giải quyết tranh chấp;

d) Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành.

đ) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ tranh chấp đất đai sau khi có quyết định giải quyết tranh chấp phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu và được lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp các bên tranh chấp tiếp tục khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính thì hồ sơ phải được chuyển cho cơ quan hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết khi có yêu cầu.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI**

#### **Điều 9. Tiếp nhận đơn**

##### 1. Hình thức tiếp nhận đơn

Đơn được tiếp nhận bằng các hình thức sau:

- Do công dân trực tiếp gửi đến;
- Nhận trực tiếp từ các buổi tiếp dân của lãnh đạo tại các buổi tiếp công dân;
- Do các cơ quan Đảng, Quốc hội, Bộ ngành Trung ương, địa phương, cơ quan thông tấn, báo chí chuyển đến.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai có trách nhiệm bố trí cán bộ tiếp nhận đơn và đề xuất hướng xử lý cho người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Thời điểm tiếp nhận đơn tranh chấp được tính từ ngày ghi trong dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận hoặc kể từ ngày công dân gửi đơn trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận đơn và được ghi vào sổ tiếp nhận đơn.

3. Việc tranh chấp được thực hiện bằng đơn thì trong đơn đề nghị giải quyết tranh chấp phải ghi rõ ngày, tháng, năm viết đơn; họ, tên, địa chỉ của người tranh chấp (hoặc tên cơ quan, tổ chức tranh chấp); tên, địa chỉ của người bị tranh

chấp (hoặc tên cơ quan, tổ chức bị tranh chấp); nội dung, lý do tranh chấp, yêu cầu giải quyết của người tranh chấp, tài liệu liên quan đến nội dung tranh chấp (biên bản hòa giải, giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất và các giấy tờ, tài liệu liên quan khác (nếu có)). Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp phải do người có tranh chấp ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp bên tranh chấp là cơ quan, tổ chức thì phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức đó ký tên và đóng dấu.

*Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo quy định này.*

#### **Điều 10. Đơn đủ điều kiện thụ lý**

Đơn tranh chấp đất đai được cơ quan nhà nước thụ lý giải quyết khi có đủ các điều kiện:

1. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức tranh chấp đất phải cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tài liệu sau:

a) Tài liệu làm căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình;

b) Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã với nội dung hòa giải không thành (khi yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết);

c) Có quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (khi yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết);

d) Đối với trường hợp cử đại diện; được ủy quyền thực hiện tranh chấp đất đai phải có văn bản cử đại diện, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

2. Người gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Việc yêu cầu giải quyết tranh chấp được thực hiện bằng đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp hoặc trực tiếp đến đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết tranh chấp trong thời hạn quy định tại Điều 5, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Quy định này.

4. Việc yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai chưa được Tòa án nhân dân thụ lý để giải quyết.

#### **Điều 11. Đơn không đủ điều kiện thụ lý**

Tranh chấp đất đai thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết:

1. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai không cung cấp được cho cơ quan có thẩm

quyền giải quyết các tài liệu liên quan làm căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình.

2. Người gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện không hợp pháp thực hiện việc đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai.

4. Việc tranh chấp chưa được hòa giải tại UBND cấp xã, phường, thị trấn.

5. Thời hiệu, thời hạn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai đã hết mà không có lý do chính đáng.

6. Việc yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai đã được Tòa án nhân dân thụ lý để giải quyết.

### **Điều 12. Xử lý đơn tranh chấp**

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 của quy định này, người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lần đầu hoặc lần hai phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và cơ quan Thanh tra nhà nước cùng cấp biết.

*Văn bản Thông báo việc thụ lý giải quyết tranh chấp thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo quy định này.*

2. Đối với đơn tranh chấp đất đai không đủ điều kiện thụ lý theo quy định tại Điều 11 của quy định này thì người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trả lời bằng văn bản cho người có đơn tranh chấp biết rõ lý do không thụ lý giải quyết.

*Văn bản Thông báo việc không thụ lý giải quyết tranh chấp thực hiện theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo quy định này.*

### **Điều 13. Rút đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp**

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, đương sự có thể rút đơn tại bất cứ thời điểm nào, việc rút đơn phải được thực hiện bằng đơn có chữ ký hoặc điểm chỉ (nếu là cơ quan, tổ chức thì phải có chữ ký xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó) và phải gửi đến người có thẩm quyền thụ lý giải quyết tranh chấp.

*Việc rút đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp được thực hiện theo Biểu mẫu số 05 được ban hành kèm theo quy định này.*

### **Điều 14. Đình chỉ giải quyết tranh chấp**

Người có thẩm quyền thụ lý giải quyết tranh chấp khi nhận được đơn xin rút yêu cầu giải quyết tranh chấp thì ban hành quyết định đình chỉ việc giải quyết và thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan.

*Việc ban hành quyết định đình chỉ được thực hiện theo Biểu mẫu số 06 được ban hành kèm theo quy định này.*

### **Chương III**

## **HÒA GIẢI TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI**

### **Điều 15. Thẩm quyền hòa giải tranh chấp đất đai**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải các tranh chấp đất đai phát sinh ngay tại địa phương mình.

### **Điều 16. Trách nhiệm và thời hạn hòa giải của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp hòa giải tranh chấp đất đai có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, đoàn thể (Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) và mời cấp ủy xã cùng dự để tiến hành hòa giải các vụ tranh chấp đất đai theo nguyên tắc công khai, đối thoại dân chủ, kết hợp với thuyết phục, phân tích có lý, có tình để giải quyết một cách thỏa đáng, đúng quy định pháp luật và công bằng.

2. Thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai đối với một vụ việc là không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày nhận được đơn.

*Biên bản hòa giải thực hiện theo Biểu mẫu số 07 được ban hành kèm theo quy định này.*

### **Điều 17. Thủ tục hòa giải**

Thủ tục hòa giải thực hiện theo quy định tại Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

### **Điều 18. Giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp hoà giải thành**

1. Trường hợp không có thay đổi về hiện trạng sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao biên bản hòa giải thành cho các bên tranh chấp và lưu hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối với trường hợp hoà giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới, người sử dụng đất thì trong thời hạn (15) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hoà giải thành đến phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác.

Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất, chủ sử dụng đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Điều 19. Giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp hòa giải không thành**

Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cấp có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều 20 và Điều 23 quy định này.

**Chương IV**

**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI**

**Mục 1**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

**Điều 20. Thẩm quyền giải quyết Chủ tịch UBND cấp huyện**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau.

**Điều 21. Trách nhiệm và thời hạn giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Trách nhiệm

a) Ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định hòa giải thành đối với các tranh chấp thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 20 của quy định này.

*Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu của Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện theo **Biểu mẫu số 08** được ban hành kèm theo quy định này.*

b) Ban hành quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất, chủ sử dụng đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản hòa giải thành của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp có thay đổi hiện trạng về ranh giới, người sử dụng đất.

2. Thời hạn giải quyết

Thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.



Đối với những vụ tranh chấp phức tạp, nhiều tình tiết; những vụ tranh chấp ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

### **Điều 22. Trình tự, thủ tục giải quyết**

1. Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn tại Ủy ban nhân dân cấp huyện. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu giải quyết đối với các trường hợp tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND cấp huyện có thể giao cơ quan Thanh tra cấp huyện tham mưu giải quyết theo quy định.

*Việc giao cho cơ quan chuyên môn tham mưu, giải quyết thực hiện theo **Biểu mẫu số 09** được ban hành kèm theo quy định này.*

Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thực hiện theo quy định tại Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

*Báo cáo đề xuất giải quyết của cơ quan được giao nhiệm vụ tham mưu thực hiện theo **Biểu mẫu số 10** được ban hành kèm theo quy định này.*

2. Quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được công bố công khai và gửi cho các bên tranh chấp, người có quyền, lợi ích liên quan. Việc gửi, công khai quyết định Quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu của Chủ tịch UBND cấp huyện được thực hiện theo Điều 6 của quy định này.

## **Mục 2**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

#### **Điều 23. Thẩm quyền giải quyết Chủ tịch UBND tỉnh**

1. Giải quyết tranh chấp lần đầu đối với các tranh chấp đất đai mà một bên tranh chấp là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì các bên tranh chấp có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

2. Giải quyết lần hai tranh chấp đất đai mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết tranh chấp lần đầu nhưng còn khiếu nại. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

## **Điều 24. Trách nhiệm và thời hạn giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

### 1. Trách nhiệm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm xem xét giải quyết các tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 23 của quy định này.

*Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo **Biểu mẫu số 11** được ban hành kèm theo quy định này.*

*Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo **Biểu mẫu số 12** được ban hành kèm theo quy định này.*

### 2. Thời hạn giải quyết

Thời hạn giải quyết không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với những vụ tranh chấp phức tạp, nhiều tình tiết, những vụ tranh chấp ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 75 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

## **Điều 25. Trình tự, thủ tục giải quyết**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan có trách nhiệm tham mưu giải quyết đối với các trường hợp tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh có thể giao cơ quan Thanh tra tỉnh tham mưu giải quyết theo quy định.

Thủ tục giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

2. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải được công bố công khai. Việc gửi, công khai quyết định Quyết định giải quyết tranh chấp được thực hiện theo Điều 6 của quy định này.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## **Điều 26. Trách nhiệm của Thanh tra cấp huyện, Thanh tra tỉnh**

1. Trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật trên địa bàn, Thanh tra tỉnh, Thanh tra cấp huyện khi phát hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có tình tiết mới hoặc việc giải quyết tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì làm việc với cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp để thống nhất trước khi kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét lại quyết định đã giải quyết. Trường hợp không thống nhất với cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp thì

có quyền kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp để giải quyết theo thẩm quyền.

2. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổ chức phúc tra các trường hợp tranh chấp về đất đai đã có quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

### **Điều 27. Trách nhiệm thi hành**

1. Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn theo thẩm quyền; trường hợp phát sinh những vấn đề mới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH**

**Đã ký-PCT Phan Ngọc Thọ**